

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 9733 /UBND-TCKH

Cử Chi, ngày 13 tháng 9 năm 2023

Về xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ hưu theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ

Kính gửi:

- Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Căn cứ Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng;

Căn cứ Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ;

Thực hiện Công văn số 6167/STC - NS ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Sở Tài chính Thành phố về xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ hưu theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.

Để có cơ sở báo cáo Sở Tài chính Thành phố nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ hưu theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn như sau:

1. Về xác định nhu cầu kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở và điều chỉnh trợ cấp cán bộ xã đã nghỉ việc:

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 4, 5, 6 Điều 2 Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ Tài chính.

Lưu ý:

+ Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc để xác định nhu cầu kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở là số thực có mặt tại thời điểm **ngày**

01 tháng 7 năm 2023 trong phạm vi số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (hoặc phê duyệt).

+ Không tổng hợp số đối tượng vượt chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao (hoặc phê duyệt) năm 2023; các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm xử lý số biên chế dôi dư theo quy định của pháp luật.

+ Không tổng hợp số đối tượng là người làm việc theo chế độ hợp đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 24/2023/NĐ-CP; các cơ quan, đơn vị bố trí từ dự toán ngân sách nhà nước được giao và các nguồn thu hợp pháp khác để chi trả cho các đối tượng này theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Về xác định nguồn kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở và điều chỉnh trợ cấp cán bộ xã đã nghỉ việc:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 3 Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ Tài chính.

3. Về phương thức chi trả:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 6 Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chủ động sử dụng nguồn cải cách tiền lương của đơn vị (bao gồm nguồn cải cách tiền lương ngân sách huyện đã giao trong dự toán năm 2023) và số thu được để lại theo chế độ quy định năm 2023 để kịp thời chi trả tiền lương, phụ cấp, trợ cấp tăng thêm cho các đối tượng theo quy định tại Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ Tài chính, nhu cầu thực hiện chế độ thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2020 và chế độ hỗ trợ thêm đối với cán bộ nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc theo Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Các cơ quan, đơn vị tổng hợp báo cáo nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ hưu theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ gửi Ủy ban nhân dân huyện (thông qua Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện để tổng hợp báo cáo Thường trực Ủy ban nhân dân huyện theo quy định).

4. Về chế độ báo cáo:

4.1 Về biểu mẫu:

a) Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện các báo cáo:

- Báo nhu cầu kinh phí theo biểu: 2a, 2b, 2c, 2d, 2e, 3a (phụ lục đính kèm);
- Báo cáo nguồn kinh phí theo biểu: 4a, 4b, 4c (phụ lục đính kèm);

- Báo cáo kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ: biểu số 5 (phụ lục đính kèm).

b) Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện thực hiện các báo cáo:

- Báo nhu cầu kinh phí theo biểu: 2a, 2g, 3a (phụ lục đính kèm);
- Báo cáo nguồn kinh phí theo biểu: 4a, 4b, 4c (phụ lục đính kèm);
- Báo cáo kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ: biểu số 5 (phụ lục đính kèm).

4.2 Về thời gian gửi báo cáo:

Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn báo cáo nhu cầu, nguồn thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023, điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ và nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ trợ cấp, phụ cấp khác từ nguồn cải cách tiền lương gửi Ủy ban nhân dân huyện (thông qua Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện) **chậm nhất ngày 15 tháng 9 năm 2023.**

Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện để phối hợp giải quyết.

Ủy ban nhân dân huyện đề nghị các cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực UBND huyện (để báo cáo);
- Lưu: VT, PTCKH.2.NTTHuyen.150.

**TL.CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Đức Hùng

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	BIÊN CHẾ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO HOẶC PHÊ DUYỆT NĂM 2023	TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LƯƠNG CÓ MẶT ĐẾN 01/7/2023	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2023 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 38/2019/NĐ-CP														CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (2)
				TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẠC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP (1)	Trong đó											
							PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THẨM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH (4)	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÃU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG CỐ VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐẢNG	PHỤ CẤP THẨM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC		
1	2	3	4	5 = 6 + 7 + 18	6	7 = 8 + ... + 17	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)																	
I	KHU VỰC HCSN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ (3)																	
	<i>Trong đó:</i>																	
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo																	
	- Giáo dục:																	
	- Đào tạo:																	
2	Sự nghiệp y tế																	
3	Sự nghiệp khoa học - công nghệ																	
4	Sự nghiệp văn hoá thông tin																	
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình																	
6	Sự nghiệp thể dục - thể thao																	
7	Sự nghiệp đảm bảo xã hội																	
8	Hoạt động kinh tế																	
9	Sự nghiệp môi trường																	
10	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể																	
	- Quản lý NN																	
	- Đảng, đoàn thể (5)																	
II	CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH, CÔNG CHỨC																	
III	HOẠT ĐỘNG PHỤ ĐAI BIỂU HIỆN CÁC CẤP																	
	+ Cấp tỉnh																	
	+ Cấp huyện																	
	+ Cấp xã																	
IV	PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM CẤP ỦY																	
	+ Ủy viên cấp tỉnh																	
	+ Ủy viên cấp huyện																	
	+ Ủy viên cấp xã																	

Ghi chú:

(1) Chỉ tính các khoản phụ cấp do Trung ương quy định, không kể tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ, phụ cấp theo mức nguy hiểm.

(2) Mức đóng BHXH là 17,5%, BHYT là 3%, BHTN là 1%, KPCĐ là 2%.

(3) Chỉ tổng hợp nhu cầu kinh phí các đơn vị chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (loại 3 và loại 4 theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP).

(4) Không tổng hợp phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập theo Nghị định số 05/2023/NĐ-CP ngày 15/02/2023 của Chính phủ.

(5) Ngoài các tổ chức chính trị - xã hội, đối với thành phố thành phố Thủ Đức và các quận, huyện đề nghị báo cáo thêm Hội Chữ Thập đỏ.

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2023 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP															CHẾNH LỆCH QUỸ LƯƠNG, PHỤ CẤP TĂNG THÊM 1 THÁNG	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP NĂM 2023
	TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẠC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP (1)	Trong đó										CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (2)			
				PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỦ C V VỤ	PHỤ CẤP THẨM NIÊN VƯỢT KHUN G	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÂN H (4)	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LẤU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG CÔN G VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC DĂNG	PHỤ CẤP THẢ M NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC				
2	9 = 20 + 21 + 3	20	21 = 22 + ... + 32	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33 = 19 - 5	34 = 33*6	
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)																	
KHU VỰC HCSN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ (3)																	
Trong đó:																	
Sự nghiệp giáo dục - đào tạo																	
- Giáo dục:																	
- Đào tạo:																	
Sự nghiệp y tế																	
Sự nghiệp khoa học - công nghệ																	
Sự nghiệp văn hoá thông tin																	
Sự nghiệp phát thanh truyền hình																	
Sự nghiệp thể dục - thể thao																	
Sự nghiệp đảm bảo xã hội																	
Hoạt động kinh tế																	
Sự nghiệp môi trường																	
Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể																	
- Quản lý NN																	
- Đảng, đoàn thể (5)																	
CÁC BỘ CHUYỂN TRẠCH, CÔNG CHỨC																	
HOẠT ĐỘNG PHÍ ĐẠI BIỂU HƯNG CÁC CẤP																	
+ Cấp tỉnh																	
+ Cấp huyện																	
+ Cấp xã																	
PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM CẤP ỦY																	
+ Ủy viên cấp tỉnh																	
+ Ủy viên cấp huyện																	
+ Ủy viên cấp xã																	

... ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ:

**BẢNG TỔNG HỢP QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2023 CỦA CÁN BỘ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐÃ NGHỈ VIỆC
HƯỞNG TRỢ CẤP
HÀNG THÁNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ NGƯỜI NGHỈ VIỆC HƯỞNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG ĐẾN 01/7/2023	QUỸ TRỢ CẤP 1 THÁNG THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2019/NĐ-CP	QUỸ TRỢ CẤP 1 THÁNG THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2021/NĐ-CP	QUỸ TRỢ CẤP 1 THÁNG THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 42/2023/NĐ-CP	QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM THÁNG 1	QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM THÁNG 7	BẢO HIỂM Y TẾ TĂNG THÊM THÁNG 7	TỔNG QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2023
A	B	1	2	3	4	5=3-2	6=4-2	7=1 x 0,31 x 4,5%	8=(5+6+7) x 6T
	TỔNG SỐ								
1	Nguyên bí thư, chủ tịch.								
2	Nguyên Phó bí thư, phó chủ tịch, Thường trực Đảng uỷ, Uỷ viên, Thư ký UBND Thư ký HĐND, xã đội trưởng								
3	Các chức danh còn lại								

..., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ:

**TỔNG HỢP KINH PHÍ TĂNG THIÊM THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ĐỐI VỚI CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH
CẤP XÃ, THÔN VÀ TÒ DÂN PHỐ NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	TỔNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ, THÔN	MỨC KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP I THÁNG THEO NGHỊ ĐỊNH 34/2019/NĐ-CP			MỨC KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP I THÁNG THEO NGHỊ ĐỊNH 33/2023/NĐ-CP			CHÉNH LỆCH KINH PHÍ KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP THÁNG 7 NĂM 2023	CHÉNH LỆCH KINH PHÍ KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP 5 T CUỐI NĂM 2023	CHÉNH LỆCH KINH PHÍ KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP NĂM 2023
			CỘNG	ND 34/2019/NĐ- CP	CHÉNH LỆCH GIỮA ND 34/2019/NĐ-CP và CHÍNH SÁCH ĐẶC THỪ CỦA TP.HCM	CỘNG	ND 33/2023/NĐ-CP	CHÉNH LỆCH GIỮA ND 33/2023/NĐ-CP và CHÍNH SÁCH ĐẶC THỪ CỦA TP.HCM			
A	B	I	2	2a	2b = 2 - 2a	3	3a	3b = 3 - 3a	4 = 1x2x(1,8-1,49)	5 = 1x3x (1,8-1,49) x 5T	6=4+5
	TỔNG SỐ										
I	Xã, phường, thị trấn										
1	Loại I		32,76	16,00	16,76	32,76	21,00	11,76			
2	Loại II		32,76	13,70	19,06	28,08	18,00	14,76			
3	Loại III		32,76	11,40	21,36	23,40	15,00	17,76			
II	Thôn, tổ dân phố ⁽²⁾										
1	Số xã biên giới, hải đảo. (1) - Thôn thuộc xã biên giới, hải đảo. - Tổ dân phố thuộc xã biên giới, hải đảo			5,0			6,0				
2	Số xã có thôn (ấp), tổ dân phố (Khu phố) có 350 hộ gia đình trở lên, xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền (2) - Số thôn (ấp) có 350 hộ gia đình trở lên, thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền - Tổ dân phố (KP) có từ 500 hộ gia đình trở lên Tổ dân phố (KP) thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền Tổ dân phố (KP) chuyển từ thôn có 350 hộ gia đình trở lên do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã		5,0	5,0	0,0	6,0	6,0				
			5,0	3,0	2,0	6,0	6,0				
3	Số xã, phường, thị trấn còn lại (3) - Thôn còn lại (ấp) - Tổ dân phố (KP)		5,0	3,0	2,0	4,5	4,5				
			5,0	3,0	2,0	4,5	4,5				

ngày... tháng... năm...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột (1) Mục II (Thôn, tổ dân phố) chi tiết theo từng nội dung chỉ tiêu nêu trên nhưng tổng số lượng (1) + (2) + (3) = tổng số lượng khu phố/ấp hiện có thực tế
- Cột (2) và cột (3) Mục I (Xã, phường, thị trấn), tạm tính theo hệ số bình quân 2,34 x số lượng 10-14 người/PXTT. Đề nghị các Quận - huyện báo cáo số liệu theo số lượng và mức phụ cấp/trợ cấp của những người thực tế có mặt tại thời điểm tháng 7/2023

ĐƠN VỊ:

Biểu số 2d

TỔNG HỢP KINH PHÍ TĂNG/GIẢM THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 33/2023/NĐ-CP - CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Tổng số đơn vị hành chính cấp xã	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo quy định tại Nghị định 34/2019/NĐ-CP		Số lượng cán bộ, công chức cấp xã đã tính định mức năm 2022	Trong đó hệ số tính định mức 2022			Số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo quy định tại Nghị định 33/2023/NĐ-CP		Số lượng cán bộ, công chức cấp xã tăng/giảm so với định mức	Quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp tăng/giảm 1 tháng (lương 1,49)	Quỹ lương, phụ cấp tăng/giảm năm 2023 (lương 1,49)
			Định biên theo Nghị định 34/2019/NĐ- CP	Tổng số		Hệ số lương ngạch bậc bình quân	Hệ số phụ cấp bình quân	Tỷ lệ phụ cấp tính các khoản đóng góp	Định biên theo Nghị định 33/2023/NĐ- CP	Tổng số			
A	B	1	2	3=1x2	4	5	6	7	8	9=1x8	10=3-9	11	12=11 x 5T
	Tổng số												
1	Loại 1		23										
2	Loại 2		21										
3	Loại 3		19										

..., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ:

**TỔNG HỢP KINH PHÍ TĂNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 33/2023/NĐ-CP - NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH
Ở CẤP XÃ, Ở THÔN, TÒ DÂN PHỐ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	TỔNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (số liệu xác định định mức 2022)	MỨC KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP 1 THÁNG						KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP 1 THÁNG THEO NGHỊ ĐỊNH 34 (LƯƠNG 1,49)	KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP 1 THÁNG THEO NGHỊ ĐỊNH 33 (LƯƠNG 1,49)	QUỸ PHỤ CẤP TĂNG NĂM 2023
			Theo Nghị định 34/2019/ND-CP			Theo Nghị định 33/2023/ND-CP					
			CỘNG	ND 34/2019/ND-CP	Chênh lệch giữa ND 34/2019/ND-CP và chính sách của TP	CỘNG	ND 33/2023/ND-CP	Chênh lệch giữa ND 33/2023/ND-CP và chính sách của TP			
A	B	1	2	2a	2b = 2 - 2a	3	3a	3b = 3 - 3a	4=1x2x1,49	5=1x3x1,49	6= (5-4) x 5T
	TỔNG SỐ										
I	Xã, phường, thị trấn										
1	Loại I		32,76	16,00	16,76	32,76	21,00	11,76			
2	Loại II		32,76	13,70	19,06	28,08	18,00	14,76			
3	Loại III		32,76	11,40	21,36	23,40	15,00	17,76			
II	Thôn, tổ dân phố										
1	Số xã biên giới, hải đảo. (1)										
	- Thôn thuộc xã biên giới, hải đảo.			5,0			6,0				
	- Tổ dân phố thuộc xã biên giới, hải đảo										
2	Số xã có thôn (Áp), tổ dân phố (Khu phố) có 350 hộ gia đình trở lên, xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền (2).										
	Số thôn có 350 hộ gia đình trở lên, thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền		5,0	5,0	0,0	6,0	6,0				
	Số tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên		5,0	5,0	0,0	6,0	6,0				
	Tổ dân phố thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền										
	Tổ dân phố chuyển từ thôn có 350 hộ gia đình trở lên do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã										
3	Số xã, phường, thị trấn còn lại										
	- Thôn còn lại (ấp)		5,0	3,0	2,0	4,5	4,5				
	- Tổ dân phố (KP)		5,0	3,0	2,0	4,5	4,5				

..., ngày.....tháng.....năm...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ*(Ký tên, đóng dấu)*Ghi chú:

- Cột (1): Mục II (Thôn, tổ dân phố): chi tiết theo từng nội dung chỉ tiêu nêu trên nhưng tổng (1) + (2) + (3) = tổng số lượng khu phố/ấp hiện có thực tế
- Cột (2) và cột (3): Mục I (Xã, phường, thị trấn): tạm tính theo hệ số bình quân 2,34 x số lượng 10-14 người/PXTT. Đề nghị các Quận - huyện báo cáo số liệu theo số lượng và mức phụ cấp/trợ cấp của những người thực tế có mặt tại thời điểm tháng 7/2023



ĐƠN VỊ:

TỔNG HỢP PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGHỀ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 05/2023/NĐ-CP NGÀY 15/02/2023 CỦA CHÍNH PHỦ

ST T	Chỉ tiêu	Tổng số đối tượng	Tổng hệ số	Bao gồm:			Mức phụ cấp ưu đãi theo Nghị định số 56/2011/NĐ- CP của Chính phủ	Mức phụ cấp ưu đãi theo Nghị định số 05/2013/NĐ- CP của Chính phủ	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (lượng 1,49 trđ)	Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022 và năm 2023	Trong đó				Tổng nguồn kinh phí của đơn vị	Trong đó			Nguồn NSNN cấp bù	
				Hệ số lượng theo ngạch , bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Phụ cấp chức vụ						Phụ cấp thâm niên vượt khun g	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Nhu cầu kinh phí theo mức lượng 1,49 trđ cho 12 tháng		Phân chênh lệch tăng lượng từ 1,49 trđ lên 1,8 trđ cho 06 tháng cuối năm	Nguồ n thu của CSYT từ hoạt động sự nghiệp	Ngu ồn kinh phí hợp pháp khác		Nguồn CCTL của đơn vị (nguồn năm trước chuyển sang, 10% TK CTX năm 2023, nguồn CCTL trích lập từ nguồn thu để lại năm 2023, nguồn CCTL NSTP khác)
1	2	3	4=5+ 6	5	6=7+ 8	7	8	9	10	11=10-9	12=4x11 x 1,49	13=14+1 5	14=12x12 T	15=12x61+ 12x1,8/1,49x 6T	16=12x12 T	17=12*(1,8- 1,49)/1,49x6 T	18=19+2 0+21	19	20	21	22=13- 18
1	Tổng số																				
	DVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư								100%												
	Chi tiết từng đơn vị								100%												
	+ Năm 2022								100%												
	+ Năm 2023								100%												
2	DVSN tự bảo đảm chi thường xuyên								100%												
	Chi tiết từng đơn vị								100%												
	+ Năm 2022								100%												
	+ Năm 2023								100%												
									100%												
3	DVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên								100%												
	Chi tiết từng đơn vị								100%												
	+ Năm 2022								100%												
	+ Năm 2023								100%												
									100%												
4	DVSN do NSNN bảo đảm chi thường xuyên								100%												
	Chi tiết từng đơn vị								100%												
	+ Năm 2022								100%												
	+ Năm 2023								100%												
									100%												

Ghi chú: Chi tiết từng đối tượng hưởng.

....., ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ:

Biểu số 3a

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	BIÊN CHẾ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO HOẶC PHÊ DUYỆT NĂM 2023	TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LƯƠNG CÓ MẶT ĐẾN 01/7/2023	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2023 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 38/2019/NĐ-CP														CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (2)		
				TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẠC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP (1)	Trong đó													
							PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THẨM NIÊN VƯỢT KHUONG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH (4)	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐĂNG	PHỤ CẤP THẨM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC				
1	2	3	4	5 = 6 + 7 + 18	6	7 = 8 + ... + 17	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18			
	TỔNG CỘNG - KHU VỰC HCSN (3)																			
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo																			
	- Giáo dục:																			
	- Đào tạo:																			
2	Sự nghiệp y tế																			
3	Sự nghiệp khoa học - công nghệ																			
4	Sự nghiệp văn hoá thông tin																			
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình																			
6	Sự nghiệp thể dục - thể thao																			
7	Sự nghiệp đảm bảo xã hội																			
8	Hoạt động kinh tế																			
9	Sự nghiệp môi trường																			

Ghi chú:

(1) Chỉ tính các khoản phụ cấp do Trung ương quy định, không kể tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ, phụ cấp theo mức tuyển đối.

(2) Mức đóng BHXH là 17,5%, BHYT là 3%, BHTN là 1%, KPCĐ là 2%.

(3) Chỉ tổng hợp nhu cầu kinh phí các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (loại 1 và loại 2 theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP). Lẽ

(4) Không tổng hợp phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập theo Nghị định số 05/2023/NĐ-CP ngày 15/02/2023 của Chính phủ.

ĐƠN VỊ:

Biểu số 3a

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2023 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP															CHẾNH LỆCH QUỸ LƯƠNG, PHỤ CẤP TĂNG THÊM 1 THÁNG	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ- CP NĂM 2023
	TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẠC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP (1)	Trong đó										CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCD (2)			
				PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC C VỤ	PHỤ CẤP THẨM NIÊN VƯỢT KHUN G	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÂN H (4)	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LẦU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG CỐN G VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐẢNG	PHỤ CẤP THẨM NIÊN NGHỆ	PHỤ CẤP KHẢ C				
2	9 = 20 + 21 + 3	20	21 = 22 + ... + 3	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33 = 19 - 5	34 = 33*6	
TỔNG CỘNG - KHU VỰC HCSN (3)																	
Sự nghiệp giáo dục - đào tạo																	
- Giáo dục:																	
- Đào tạo:																	
Sự nghiệp y tế																	
Sự nghiệp khoa học - công nghệ																	
Sự nghiệp văn hoá thông tin																	
Sự nghiệp phát thanh truyền hình																	
Sự nghiệp thể dục - thể thao																	
Sự nghiệp đảm bảo xã hội																	
Hoạt động kinh tế																	
Sự nghiệp môi trường																	

nghe nêu chi tiết từng đơn vị.

... ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ:

BÁO CÁO NGUỒN KINH PHÍ ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2023

Đơn vị: triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	2	3
A	NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2023	
1	70% tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý, thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; thu từ quỹ đất công (ch, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước) thực hiện năm 2022 so với dự toán được giao năm 2022	
2	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2023	
3	Số thu được huy động từ nguồn để lại đơn vị năm 2023 (các đơn vị chưa tự bảo đảm chi thường xuyên):	
	+ Học phí	
	+ Viện phí	
	+ Nguồn thu khác	
4	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2022 chưa sử dụng hết chuyển sang 2023 (các đơn vị chưa tự bảo đảm chi thường xuyên)	
5	Nguồn CCTL NSTP giao dự toán năm 2023 (các đơn vị chưa tự bảo đảm chi thường xuyên)	
B	TỔNG NHU CẦU NĂM 2023	
I	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	
1	Quỹ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc trong khu vực hành chính sự nghiệp	
2	Quỹ lương, phụ cấp tăng thêm đối với cán bộ chuyên trách và công chức cấp xã	
3	Hoạt động phí tăng thêm đối với đại biểu hội đồng nhân dân các cấp	
4	Quỹ trợ cấp tăng thêm đối với cán bộ xã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo ND 42/2023/NĐ-CP	
5	Kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn và tổ dân phố	
6	Kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp theo QĐ số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008	
7	Kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ bồi dưỡng phục vụ hoạt động cấp ủy thuộc cấp tỉnh theo Quy định 09-QĐ/NSTW ngày 22/9/2017	
II	Nhu cầu thực hiện một số loại phụ cấp, trợ cấp theo quy định	
1	Phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập theo Nghị định số 05/2023/NĐ-CP ngày 15/02/2023 của Chính phủ (các đơn vị chưa tự bảo đảm chi thường xuyên)	
2	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2023 theo ND số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ (các đơn vị chưa tự bảo đảm chi thường xuyên)	
3	Nhu cầu kinh phí thực hiện nhiệm vụ nhân sự tại các cơ sở y tế công lập theo ND số 26/2015/NĐ-CP ngày 06/7/2015 của Chính phủ	
4	Nhu cầu kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo Hội đặc thù	
5	Nhu cầu kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ trợ cấp lần đầu đến nhận công tác tại vùng ĐBKK, trợ cấp 1 lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng ĐBKK theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ	
6	Kinh phí tăng/giảm do thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ	
III	Nhu cầu thực hiện một số chính sách đặc thù của Thành phố Hồ Chí Minh	
1	Nhu cầu chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND và các văn bản có liên quan 07 THÁNG NĂM 2023 (hệ số tối đa 1,8 lần với mức lương CS 1,49 trở cho 6 tháng đầu năm; hệ số tối đa 1,8 lần với mức lương CS 1,8 trở cho tháng 7/2023)	
2	Nhu cầu chi thực hiện chính sách sắp xếp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND	
3	Nhu cầu chi trợ cấp theo Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố	
C	CHẼNH LỆCH NHU CẦU VÀ NGUỒN NĂM 2023	
1	Phần thiếu nguồn ngân sách cấp trên hỗ trợ	
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư	

..., ngày tháng năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ:

Biểu số 4b

TỔNG HỢP NHU CẦU, NGUỒN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	CHỈ TIÊU	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CCTL NĂM 2023	NGUỒN TỪ TIẾT KIỆM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN, NGUỒN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ				
			TỔNG SỐ	TIẾT KIỆM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN	NGUỒN THU TỪ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP		
					HỌC PHÍ	VIỆN PHÍ	KHÁC
I	Cấp tỉnh						
a	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo						
	Trong đó:						
	- Giáo dục						
	- Đào tạo						
b	Sự nghiệp y tế						
c	Sự nghiệp khác						
d	Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể						
II	Cấp huyện						
a	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo						
	Trong đó:						
	- Giáo dục						
	- Đào tạo						
b	Sự nghiệp y tế						
c	Sự nghiệp khác						
d	Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể						
	Trong đó: cán bộ, công chức cấp xã						

Ghi chú: Chỉ bao gồm nhu cầu, nguồn của các đơn vị chưa tự bảo đảm chi thường xuyên.

..., ngày tháng năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ:

Biểu số 4c

**BÁO CÁO NGUỒN KINH PHÍ ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2023
(CÁC ĐVSN TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN VÀ CHI ĐẦU TƯ, ĐVSN TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN)**

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	2	3
A	NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2023	
1	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2023	
2	Số thu được huy động từ nguồn để lại đơn vị năm 2023:	
	+ Học phí	
	+ Viện phí	
	+ Nguồn thu khác	
3	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2022 chưa sử dụng hết chuyển sang 2023:	
	+ Nguồn CCTL từ NS cấp	
	+ Nguồn CCTL từ nguồn thu sự nghiệp	
4	Nguồn CCTL NSTP giao dự toán năm 2023	
B	TỔNG NHU CẦU NĂM 2023	
I	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	
1	Quyền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp tăng thêm đối với viên chức, người làm việc trong khu vực hành chính sự nghiệp	
II	Nhu cầu thực hiện một số loại phụ cấp, trợ cấp theo quy định	
1	Phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập theo Nghị định số 05/2023/NĐ-CP ngày 15/02/2023 của Chính phủ	
2	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2023 theo NĐ số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ	
III	Nhu cầu thực hiện một số chính sách đặc thù của Thành phố Hồ Chí Minh	
1	Nhu cầu chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND và các văn bản có liên quan 07 THÁNG NĂM 2023 (hệ số tối đa 1,8 lần với mức lương CS 1,49 trđ cho 6 tháng đầu năm; hệ số tối đa 1,8 lần với mức lương CS 1,8 trđ cho tháng 7/2023)	
2	Nhu cầu chi hỗ trợ thêm theo Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố	
C	CHÊNH LỆCH NHU CẦU VÀ NGUỒN NĂM 2023	
1	Phần thiếu nguồn ngân sách cấp trên hỗ trợ	
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư	

..., ngày tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ:

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP NGÀY 30/12/2022 CỦA CHÍNH PHỦ

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Tên đơn vị	SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO HOẶC PHÊ DUYỆT NĂM 2023	TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG CÓ MẬT ĐẾN 01/7/2023	Trong đó			PHÍ THỰC HIỆN KÝ KẾT HĐLĐ LÀM CHUYÊN MÔN, NGHỈ						KINH PHÍ THỰC HIỆN KÝ KẾT HĐLĐ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC HỖ TRỢ, PHỤC VỤ						Ghi chú	
				Biên chế	HĐLĐ làm chuyên n môn, nghị vụ	HĐLĐ thực hiện công việc hỗ trợ, phục	Trường hợp chỉ trả theo lương khoản	Trong đó		Trường hợp áp dụng xếp lương theo Nghị định số 204/2004/ND- CP	Trong đó		Trường hợp chỉ trả theo lương khoản	Trong đó		Trường hợp áp dụng xếp lương theo Nghị định số 204/2004/ND- CP	Trong đó			
								Mức lương khoản trước ngày 01/7/202	Mức lương khoản sau ngày 01/7/202 3		Nhu cầu kinh phí theo mức lương 1,49 trđ cho 12 tháng	Phân chênh lệch tăng lương từ 1,49 trđ lên 1,8 trđ cho 6 tháng cuối		Mức lương khoản trước ngày 01/7/202	Mức lương khoản sau ngày 01/7/2023 (nếu có)		Nhu cầu kinh phí theo mức lương 1,49 trđ cho 12 tháng	Phân chênh lệch tăng lương từ 1,49 trđ lên 1,8 trđ cho 6 tháng cuối năm		
1	2																			
	Tổng số																			
I	ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP																			
1	DVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư																			
	Chi tiết từng đơn vị																			
2	DVSN tự bảo đảm chi thường xuyên																			
	Chi tiết từng đơn vị																			
3	DVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên																			
	Chi tiết từng đơn vị																			
4	DVSN do NSNN bảo đảm chi thường xuyên																			
	Chi tiết từng đơn vị																			
II	ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ																			
	Chi tiết từng đơn vị																			
	- Quản lý NN																			
	- Đảng, đoàn thể																			

... ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

